

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HS-ST
Ngày: 29-9-2022

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ
Ông Lê Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Ngọc C**, sinh năm: 1992; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm: 1992. ĐKKHKT và nơi ở: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Phạm Ngọc V, sinh năm 1972; con bà: Phùng Thị D, sinh năm 1974; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Đỗ Thị Chung A, sinh năm 1993; có ba con, lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 06/12/2017 bị TAND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 17/10/2017 bị Công an huyện Giao Thủy xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 31/3/2022 đến 09/4/2022 chuyển tạm giam. Ngày 04/5/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.

2. Họ và tên: **Đỗ Thị Chung A**, sinh năm: 1993; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; ĐKKHKT và nơi ở: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Tự do;

con ông: Đỗ Văn T, sinh năm 1965; con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Chồng: Phạm Ngọc C, sinh năm 1992; có ba con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: **Nguyễn Trọng K**, sinh năm 1992; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; ĐKKHKT và nơi ở: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Nguyễn Trọng B, sinh năm 1952; con bà: Trần Thị X, sinh năm 1955; gia đình có 02 A em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Phùng Thị T1, sinh năm 1993, có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1991, trú tại: Xóm 11, xã X, huyện X, tỉnh N.
2. NLQ2, sinh năm 1989, trú tại: Xóm S, xã H, huyện G, tỉnh N.
3. NLQ3, sinh năm 1979, trú tại: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N.
4. NLQ4, sinh năm 1994, trú tại: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh N
5. NLQ5, sinh năm 1990, trú tại: Xóm H, xã H, huyện H, tỉnh N.
6. NLQ6, sinh năm 1997, trú tại: Xóm S1, xã H, huyện G, tỉnh N.
7. NLQ7, sinh năm 1987, trú tại: Xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N.
8. NLQ8, sinh năm 1982, trú tại: Xóm S1, xã H, huyện G, tỉnh N.
9. NLQ9, sinh năm 1978, trú tại: Xóm X, xã G, huyện G, tỉnh N.
10. NLQ10, sinh năm 1993, trú tại: Xóm 11, xã H, huyện G, tỉnh N.
11. NLQ11, sinh năm 1999, trú tại: Xóm 13, xã H, huyện G, tỉnh N.
12. NLQ12, sinh năm 1997, trú tại: Xóm 11, xã G1, huyện G, tỉnh N.
13. NLQ13, sinh năm 1990, trú tại: Xóm 5, xã B, huyện X, tỉnh N.
14. NLQ14, sinh năm 1991, trú tại: Xóm 12, xã G1, huyện G, tỉnh N.
15. NLQ15, sinh năm 1987, trú tại: Xóm 5, Q, xã G, huyện G, tỉnh N.
16. NLQ16, sinh năm 1995, trú tại: Xóm 12, xã G1, huyện G, tỉnh N.

** Người làm chứng*

1. Phạm Ngọc C là bị cáo trong vụ án
2. Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1974.

Tại phiên toà: Các bị cáo đều có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cửa hiệu cầm đồ “A C”, có địa chỉ tại xóm S, xã H, huyện G, tỉnh N được UBND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ngày 26/7/2018; ngành nghề kinh doanh: Cầm đồ, do ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1974, trú tại xóm 16, xã H, huyện G, tỉnh N là đại diện hộ kinh doanh. Ông V chỉ đứng tên đăng ký kinh doanh, thực tế Phạm Ngọc C (là con trai ruột ông V), sinh năm 1992, trú tại: Xóm S, xã H, huyện G, tỉnh N mới là người quản lý hoạt động của cửa hiệu cầm đồ. Ngày 29/3/2022, Tổ công tác liên ngành (được thành lập theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Nam Định) đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cửa hiệu cầm đồ A C. Qua kiểm tra phát hiện tài liệu ghi chép trên giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền có dấu hiệu phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tổ công tác liên ngành đã lập biên bản kiểm tra hành chính, tạm giữ giấy tờ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc cho khách hàng vay tiền lấy lãi, đồng thời yêu cầu Phạm Ngọc C về Phòng Cảnh sát hình sự – Công an tỉnh Nam Định để xác minh làm rõ. Tại Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định, C khai nhận như sau:

Khoảng tháng 4/2018 C cùng vợ là Đỗ Thị Chung A, sinh năm 1993 cùng bàn bạc, thống nhất cho những người có mối quan hệ quen biết vay tiền lấy lãi suất cao, không cầm cố tài sản. Đến cuối năm 2020 hai vợ chồng C thống nhất vay tổng số tiền 1.250.000.000 đồng của cửa bố mẹ để hai bên gia đình để mở cửa hiệu cầm đồ, với mục đích cầm cố tài sản để cho khách vay tiền lấy lãi suất cao. Vợ chồng C nhờ ông Phạm Ngọc V đứng tên đăng ký kinh doanh hộ gia đình, mọi hoạt động của cửa hiệu cầm đồ do vợ chồng C thực hiện.

Khi có khách hàng đến vay tiền thì C hoặc Chung A thỏa thuận khách phải để lại, cầm cố tài sản như xe mô tô, xe ô tô, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất..., rồi điền vào giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền đã được in sẵn các thông tin cá nhân, địa chỉ, tên tài sản cầm cố, số tiền vay và ngày vay, rồi đưa cho khách ký vào mục người có tài sản. C hoặc Chung A thống nhất lãi suất khách phải trả là 3.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày, thời hạn cho vay là 01 tháng, khách hàng sẽ đến trả tiền lãi vào ngày trùng với ngày vay tiền của tháng tiếp theo được ghi trong giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền. Nếu khách trả trước thời hạn thì được tính thời gian vay theo ngày. Khi khách trả được tiền gốc đã vay thì C, Chung A mới trả lại tài sản cầm cố cho khách. Hàng tháng, khách hàng có thể đến trực tiếp cửa hiệu cầm đồ “A C” để trả lãi cho C, Chung A hoặc khách hàng trả lãi qua tài khoản Ngân hàng MB Bank số 36201199399999 mang tên Đỗ Thị Chung A.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đã xác định được 16 trường hợp vay tiền với lãi suất cao, của cửa hiệu cầm đồ A C, cụ thể như sau:

Trường hợp số 1. NLQ1, sinh năm 1991, trú tại: xóm 11, xã X, huyện X, tỉnh N (BL 627 - 631).

Lần 1: Ngày 24/11/2021, NLQ1 đi cùng bạn là anh Trần Viết Đ, sinh năm 1997, trú tại: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đến gặp C vay 65.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH 150i, Biển kiểm soát (BKS) 18B2 - 172.31 cùng giấy tờ xe. C đồng ý viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL435) và đưa tiền cho NLQ1. Sau 40 ngày, NLQ1 một mình đến nhà trả C tiền lãi là 7.800.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe, giấy tờ xe cho NLQ1.

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, số tiền chiếm hưởng hợp pháp là 20%/năm của khoản tiền vay (tức là tiền gốc). Như vậy, số tiền chiếm hưởng hợp pháp của 40 ngày trong trường hợp này là: $((65.000.000 \text{ đồng tiền gốc} : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 20\%) \times 40 \text{ ngày}) = 1.444.445 \text{ đồng}$.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $7.800.000 \text{ đồng} - 1.444.445 \text{ đồng} = 6.355.556 \text{ đồng}$.

Tương tự cách tính trên đối với các trường hợp vay khác như sau:

Lần 2: Ngày 19/12/2021, NLQ1 đến gặp C vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, Biển kiểm soát (BKS) 18X1 - 1524 cùng giấy tờ xe. C đồng ý viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL445) và đưa tiền cho NLQ1. Sau 01 tháng, NLQ1 trả C tiền lãi là 900.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe, giấy tờ xe cho NLQ1. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $900.000đ - ((10.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 733.334 \text{ đồng}$.

Lần 3: Ngày 05/01/2022, NLQ1 đến gặp C vay 65.000.000 đồng (BL375) với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô (NLQ1 không nhớ nhãn hiệu, BKS) và giấy tờ xe. Đến ngày 15/3/2022, số tiền lãi của 70 ngày NLQ1 phải trả C là 13.650.000 đồng. Tuy nhiên, thời điểm này NLQ1 bị bệnh ung thư nên đã xin C giảm bớt ngày tiền lãi. C đồng ý lấy 8.000.000 đồng tiền lãi tương ứng với 41 ngày tính lãi. Đồng thời NLQ1 trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe, giấy tờ xe cho NLQ1. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $8.000.000đ - ((65.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 41) = 6.519.445 \text{ đồng}$.

Lần 4: Ngày 19/01/2022, NLQ1 đến gặp C vay 10.000.000 đồng (BL385) với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS 18X1 - 1524 cùng giấy tờ xe. Sau 01 tháng, NLQ1

trả C tiền lãi là 900.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe, giấy tờ xe cho A B. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $900.000đ - ((10.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 30)) = 733.334$ đồng.

Lần 5: Ngày 18/3/2022, NLQ1 đến gặp C vay 50.000.000 đồng (BL410) với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô (NLQ1 không nhớ nhãn hiệu, BKS) và giấy tờ xe. Ngày 23/3/2022, NLQ1 trả C số tiền lãi của 5 ngày là 750.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe, giấy tờ xe cho NLQ1. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $750.000đ - ((50.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 5)) = 611.112$ đồng.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: **14.952.781 đồng.**

- **Trường hợp số 2:** NLQ2, sinh năm 1989, trú tại: Xóm S, xã H, huyện G, tỉnh N (BL 618 - 620).

Lần 1: Ngày 24/4/2021, NLQ2 đến gặp C vay 100.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH150i, giấy tờ xe. C đồng ý viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền và đưa tiền cho NLQ2. Sau 03 tháng, NLQ2 trả C tiền lãi là 27.000.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe, giấy tờ xe cho NLQ2. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $27.000.000đ - ((100.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 90)) = 22.000.000$ đồng.

Lần 2: Ngày 21/10/2021, NLQ2 đến gặp C vay 30.000.000 đồng (BL 322) với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 18G1 – 474.59 và giấy tờ xe. Chiếc xe này NLQ2 mượn của NLQ6hùng Văn N, sinh năm 1981, trú tại: Xóm S, xã H, huyện G. Khi mượn NLQ2 nói là để đi cầm cố vay tiền, anh N đồng ý. Sau 01 tháng, NLQ2 trả C tiền lãi là 2.700.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe, giấy tờ xe cho NLQ2. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $2.700.000đ - ((30.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 30)) = 2.200.000$ đồng.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: **24.200.000 đồng.**

- **Trường hợp số 3:** NLQ3, sinh năm 1979, trú tại: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N (BL 615 - 617).

Lần 1: Tháng 11/2021, NLQ3 đến gặp C vay 30.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, BKS: 18B2 – 533.84 và giấy tờ xe. Sau 02 tháng, NLQ3 trả C tiền lãi là 5.400.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe, giấy tờ xe cho NLQ3.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $5.400.000đ - ((30.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 60)) = 4.400.000$ đồng.

Lần 2: Ngày 24/01/2021, NLQ3 đến gặp C vay 30.000.000 đồng (BL389) với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, BKS: 18B2 – 533.84 và giấy tờ xe. Sau 01 tháng, NLQ3 trả C tiền lãi là 2.700.000 đồng. Từ đó đến nay NLQ3 chưa trả thêm cho C khoản tiền lãi nào và vẫn nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 2.700.000đ - $((30.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 30)) = 2.200.000$ đồng.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: **6.600.000 đồng**.

- **Trường hợp số 4:** NLQ4, sinh năm 1994, trú tại: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh N (BL 624 – 626).

Lần 1: Ngày 21/6/2021, NLQ4 đến gặp C vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 144%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, BKS: 59V1 – 274.14. Ngày 25/6/2021, NLQ4 đến trả C tiền gốc và tiền lãi thì C chỉ lấy NLQ4 với lãi suất là 3.000đ/T/ngày; lãi của 5 ngày là 75.000 đồng, C trả lại xe cho NLQ4.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 75.000đ - $((5.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 5)) = 61.112$ đồng.

Lần 2: Ngày 26/6/2021, NLQ4 tiếp tục đến gặp C vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 144%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, BKS: 59V1 – 274.14. Sau 01 tháng, NLQ4 trả C tiền lãi là 600.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe cho NLQ4. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 600.000đ - $((5.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 30)) = 516.667$ đồng.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: **577.779 đồng**.

- **Trường hợp số 5:** NLQ5, sinh năm 1990, trú tại: Xóm H, xã H, huyện H, tỉnh N (BL 621 - 623).

Ngày 26/11/2021, NLQ5 đến gặp C vay 20.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 144%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, BKS: 18G1 – 376.87. C đồng ý bảo vợ là Đỗ Thị Chung A viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL436) và đưa tiền cho NLQ5. Ngày 30/11/2021, NLQ5 đến trả Chung A tiền lãi là 500.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và Chung A trả lại xe cho NLQ5. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 500.000đ - $((20.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 5)) = 444.445$ đồng.

- **Trường hợp số 6:** NLQ6, sinh năm 1997, trú tại: Xóm S1, xã H, huyện G, tỉnh N (BL609 - 614).

Khoảng tháng 4/2018, do có mối quan hệ quen biết nên NLQ6 đến gặp C vay 15.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 180%/năm). Sau đó NLQ6 đã trả C tiền lãi từ tháng 4/2018 đến tháng 10/2019 là 18 tháng = 40.500.000 đồng (tiền lãi 2.250.000đ/tháng) và 9.000.000đ tiền gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 40.500.000đ - $((15.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 540)) = 36.000.000$ đồng.

NLQ6 tiếp tục phải trả cho C số tiền lãi đối với 6.000.000 đồng tiền gốc từ tháng 11/2019 đến tháng 10/2021 là 24 tháng = 21.600.000 đồng (tiền lãi 900.000/tháng). Tháng 12/2021 NLQ6 tiếp tục phải trả cho C tiền lãi của tháng 11 và tháng 12/2021 là 1.800.000 đồng. (Tuy nhiên NLQ6 trả 1.500.000 đồng, còn 300.000 đồng C cho NLQ6). Đến nay NLQ6 còn nợ lại 6.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 21.600.000đ + 1.500.000đ - $((6.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 770)) = 20.533.334$ đồng.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: **56.533.334 đồng.**

- **Trường hợp số 7:** NLQ7, sinh năm 1987, trú tại: Xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N (BL 641 - 643).

Lần 1: Ngày 28/3/2021, NLQ7 đến gặp Chung A vay 100.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia K3, BKS: 30F – 170.50. Chung A đồng ý viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL417) và đưa tiền cho NLQ7. Sau 7 ngày, NLQ7 trả Chung A tiền lãi là 2.100.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và Chung A trả lại xe cho NLQ7. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 2.100.000đ - $((100.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 7)) = 1.711.112$ đồng.

Lần 2: Ngày 21/10/2021, NLQ7 tiếp tục đến gặp Chung A vay 70.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố giấy tờ của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia K3, BKS: 30F – 170.50. Chung A đồng ý viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL321) và đưa tiền cho NLQ7. Sau 7 ngày, NLQ7 trả Chung A tiền lãi là 1.470.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và Chung A trả lại giấy tờ xe cho NLQ7. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 1.470.000đ - $((70.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 7)) = 1.197.778$ đồng.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: **2.908.890 đồng.**

- **Trường hợp số 8:** NLQ8, sinh năm 1982, trú tại: Xóm S1, xã H, huyện G, tỉnh N (BL632-634).

Ngày 19/02/2021, NLQ8 cùng chồng là anh Lê Văn L, sinh năm 1975 đến gặp C vay 15.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 144%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS: 18G1 - 374.99. C đồng ý bảo Chung A viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL336)

và đưa tiền cho NLQ8. Sau đó NLQ8 đã trả lãi cho vợ chồng C được 7 tháng x 1.800.000đ/tháng = 12.600.000đ, trả số tiền gốc đã vay và Chung A trả lại xe cho NLQ8. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 12.600.000đ - ((15.000.000đ:12:30x20%)x210)) = **10.850.000 đồng**.

- **Trường hợp số 9:** NLQ9, sinh năm 1978, trú tại: Xóm X, xã G, huyện G, tỉnh N (BL 638-640).

Ngày 07/9/2021, NLQ9 đến gặp Chung A vay 15.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/30 ngày (Tương đương mức lãi suất 3.333đ/triệu/ngày), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, BKS: 18G1 - 345.24 và giấy tờ xe. Chung A đồng ý, viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL420) và đưa tiền cho NLQ9. Sau đó NLQ9 đã trả lãi cho Chung A được 4 tháng x 1.500.000đ/tháng = 6.000.000đ, trả số tiền gốc đã vay và Chung A trả lại xe, giấy tờ xe cho NLQ9. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 6.000.000đ - ((15.000.000đ:12:30x20%)x210)) = **5.000.000 đồng**.

- **Trường hợp số 10:** NLQ10, sinh năm 1993, trú tại: Xóm 11, xã H, huyện G, tỉnh N (BL651 - 653).

Ngày 05/3/2022, NLQ10 đến gặp C vay 6.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 144%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 18G1 - 304.34 và giấy tờ xe. C đồng ý, viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL346) và đưa tiền cho NLQ10. Sau 01 tháng, NLQ10 trả lãi cho C số tiền 720.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe, giấy tờ xe cho NLQ10. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 720.000đ - ((6.000.000đ:12:30x20%)x30)) = **620.000 đồng**.

- **Trường hợp số 11:** NLQ11, sinh năm 1999, trú tại: Xóm 13, xã H, huyện G, tỉnh N (BL654 - 656).

Lần 1: Tháng 11/2021, NLQ11 đến gặp C vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 180%/năm). Do quen biết nên C không yêu cầu cầm cố tài sản. Sau đó hàng tháng NLQ11 trả lãi cho vợ chồng C là 1.500.000đ/tháng, trả được 05 tháng = 7.500.000 đồng thì NLQ11 trả số tiền gốc đã vay. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 7.500.000đ - ((10.000.000đ:12:30x20%)x150)) = 6.666.667 đồng.

Lần 2: Tháng 3/2022, NLQ11 tiếp tục đến gặp C vay 10.000.000 đồng (BL88) với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 180%/năm). Lần này C cũng không yêu cầu cầm cố tài sản. Sau 01 tháng NLQ11 trả số tiền lãi là 1.500.000đ và trả số tiền gốc đã vay. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 1.500.000đ - ((10.000.000đ:12:30x20%)x30)) = 1.333.334đ.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: **8.000.001 đồng**.

- **Trường hợp số 12:** NLQ12, sinh năm 1997, trú tại: Xóm 11, xã G1, huyện G, tỉnh N (BL 657 - 659).

Ngày 05/3/2021, NLQ12 đến gặp C vay 9.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 17B6 – 144.07. C đồng ý, viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL348) và đưa tiền cho NLQ12. Sau 10 ngày, NLQ12 trả lãi cho C số tiền 270.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe cho NLQ10. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $270.000đ - ((9.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 10) = \mathbf{220.000 \text{ đồng.}}$

- **Trường hợp số 13:** NLQ13, sinh năm 1990, trú tại: xóm 5, xã B, huyện X, tỉnh N (BL 646 - 648).

Ngày 29/11/2021, NLQ13 đến gặp C vay 12.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 108%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 12H1 – 195.70. C đồng ý, viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL437) và đưa tiền cho NLQ13. Sau 25 ngày, NLQ13 trả lãi cho C số tiền 900.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe cho NLQ13. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $900.000đ - ((12.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 25) = \mathbf{733.334 \text{ đồng.}}$

- **Trường hợp số 14:** NLQ14, sinh năm 1991, trú tại: Xóm 12, xã G1, huyện G, tỉnh N (BL 644 - 645).

Lần 1: Ngày 05/4/2021, NLQ14 đến gặp C vay 3.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 180%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 18G1-353.67. C đồng ý, viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL319) và đưa tiền cho NLQ14. Sau đó 02 ngày NLQ14 trả tiền lãi là 30.000đ, trả số tiền gốc đã vay, C trả lại xe cho NLQ14. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $30.000đ - ((3.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 02) = 26.667 \text{ đồng.}$

Lần 2: Ngày 29/5/2021, NLQ14 tiếp tục đến gặp C vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 180%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 18G1-353.67. C đồng ý, viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền và đưa tiền cho NLQ14. Sau đó 07 ngày NLQ14 trả tiền lãi là 350.000đ, trả số tiền gốc đã vay, C trả lại xe cho NLQ14. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $350.000đ - ((10.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 7) = 311.667 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: **337.779 đồng.**

- **Trường hợp số 15:** NLQ15, sinh năm 1987, trú tại: xóm 5, Q, xã G, huyện G, tỉnh N (BL 666 - 668).

Ngày 18/3/2022, NLQ15 đến gặp C vay 5.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 250.000đ/7 ngày (Tương đương mức lãi suất 7.143đ/triệu/ngày), cầm cố

chiếc xe mô tô BKS: 18K1 – 119.12. C đồng ý, viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền (BL411) và đưa tiền cho NLQ15. Sau 07 ngày, NLQ15 trả lãi cho C số tiền 250.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và C trả lại xe cho NLQ15. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $250.000đ - ((5.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 7)) = 230.556 \text{ đồng}$.

- **Trường hợp số 16:** NLQ16, sinh năm 1995, trú tại: Xóm 12, xã G1, huyện G, tỉnh N (BL 663 - 665).

Ngày 03/11/2021, NLQ16 đến gặp Chung A vay 2.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 180%/năm), cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 18G1-107.00. Chung A đồng ý, viết giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền và đưa tiền cho NLQ16. Sau 01 tháng, NLQ16 trả lãi cho Chung A số tiền 300.000 đồng, trả số tiền gốc đã vay và Chung A trả lại xe cho NLQ16. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $300.000đ - ((2.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 30)) = 266.667 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp vợ chồng C thu của 16 trường hợp trên là **132.475.566 đồng**.

Ngoài ra vợ chồng C còn cho một số người khác vay tiền, nhưng lấy lãi suất dưới mức 05 lần mức lãi suất do bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định là 20%/năm, trong đó có trường hợp cháu Phạm Chí N, sinh năm 2005, trú tại: Xóm 6, xã H, huyện G, tỉnh N. Ngày 12/02/2022 cháu N đến gặp C vay 4.000.000 đồng, lãi suất 1.500đ/T/ngày. Cháu N chưa trả tiền vay lãi cũng như tiền gốc khoản vay này. Chị Vũ Thị M, sinh năm 1983, là mẹ đẻ cháu N đã nộp lại số tiền 4.000.000 đồng cháu N đã vay của C cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định.

Quá trình kiểm tra cửa hiệu cầm đồ “A C”, tổ C tác liên ngành phát hiện và tạm giữ tại vị trí ngăn kéo của kệ ti vi 01 (một) vật hình trụ tròn đường K khoảng 05 (cm) bề ngoài có các rãnh, một đầu có gắn thanh kim loại hình mỏ vịt. Tổ công tác đã tiến hành tạm giữ, niêm phong vật hình trụ tròn nghi là lựu đạn để phục vụ công tác điều tra. Tại Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định, C khai nhận: Khoảng cuối năm 2019, trên đường đến nhà bạn ở thị trấn Gôi, Vụ Bản chơi, C đi ngang qua khu vực trường bắn của quân đội, C thấy một nhóm bộ đội cùng dân quân tự vệ đang tập luyện ném lựu đạn, khi ném lựu đạn không phát nổ. Khi bộ đội nghỉ tập và rời đi thì C phát hiện tại khu vực bộ đội vừa tập luyện có 01 quả lựu đạn giả, C cầm lên xem thì thấy bề ngoài có đặc điểm như quả lựu đạn thật nên C đã bỏ quả lựu đạn tập vào túi rồi mang về nhà cất giữ, cho đến khi bị Tổ công tác liên ngành kiểm tra, phát hiện, thu giữ.

Kết luận giám định số 1955/KL-KTHS ngày 06/4/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Mô hình lựu đạn này không thuộc vũ khí quân

dụng. (BL 115).

Trích xuất dữ liệu điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của C phát hiện nội dung tin nhắn trên Zalo có hình ảnh Phạm Ngọc C cầm hai khẩu súng. Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, C khai nhận: Khoảng cuối năm 2021, C đến nhà bạn là Nguyễn Trọng K, sinh năm 1992, ở xóm T, xã G, huyện G, tỉnh N chơi, K có cho C xem hai khẩu súng dạng súng tự chế. C cầm súng ngồi trên giường đưa máy điện thoại của C cho bạn của K chụp ảnh lại và lưu trên máy điện thoại. C, K không nhớ địa chỉ, lai lịch của người bạn chụp ảnh. Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, K khai nhận: Khoảng cuối năm 2021 K đi xe máy trên đê Sông Hồng thuộc địa bàn xã H, huyện G, tỉnh N thì nhặt được một chiếc túi vải, kiểm tra bên trong phát hiện có 2 khẩu súng dạng súng tự chế. hai khẩu súng có đặc điểm cùng kích thước (35,5 x 3,5) cm, cao 12,5 cm, nòng súng dài 7,5 cm, tay cầm B gỗ màu vàng, thân súng, nòng súng, cò súng, búa súng B kim loại màu đen, ốp nòng súng B gỗ màu vàng. K vớt túi đi lấy 2 khẩu súng bỏ trong người mang về nhà cất giữ và không cho ai biết. Đến khi C đến nhà chơi thì K có đưa cho C xem 02 khẩu súng cùng một số bạn bè khác nhưng đến nay K không nhớ lai lịch, địa chỉ của những người bạn này. Sau đó K tiếp tục cất giữ 02 khẩu súng tại nhà. Đến khi Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định phát hiện, T tập K lên trụ sở làm việc thì K mới khai nhận nội dung như nêu trên và chấp hành giao nộp 02 khẩu súng cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định.

Tại Kết luận giám định số 503/KL-KTHS ngày 15/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: 02 khẩu súng nêu trên là súng tự chế dài 35,5 cm bắn đạn ghém cỡ 32, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện tại 02 khẩu súng này còn sử dụng để bắn được (BL121).

Ngày 07/04/2022, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Ngọc C, Đỗ Thị Chung A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Ngày 04/05/2022, ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Trọng K về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại Khoản 1 Điều 304 BLHS và ra Quyết định nhập 02 vụ án hình sự để điều tra chung. Đỗ Thị Chung A, Nguyễn Trọng K áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Phạm Ngọc C bị tạm giam từ ngày 31/3/2022 đến ngày 04/5/2022 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, Phạm Ngọc C, Đỗ Thị Chung A, Nguyễn Trọng K khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được.

Đối với các trường hợp còn lại, thông tin trong tài liệu tạm giữ của cửa hiệu cầm đồ A C không ghi rõ địa chỉ người vay hoặc người vay không có mặt

tại địa phương nên Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định không làm việc lấy lời khai được. Phần tài liệu này Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định tách ra để điều tra xác minh tiếp.

Ngoài ra Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đấu tranh, làm rõ các nội dung tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo, file ảnh trích xuất trong giữ liệu điện thoại di động của Phạm Ngọc C, xác định: Ngày 15/04/2021, Phạm Thị N1, sinh năm 1997, trú tại: xóm 14, xã H, huyện G, tỉnh N dùng tài khoản Facebook Phạm N1 nhắn tin cho C để mua các số đề 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89 mỗi số đề 10.000 đồng. So sánh với kết quả xổ số miền Bắc cùng ngày thì số đề 82 trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt nên N1 trúng thưởng 700.000 đồng. Trừ đi số tiền N1 đã mua số đề thì C đã trả cho N1 600.000 đồng. Ngày 16/04/2021, N1 tiếp tục nhắn tin cho C mua các số đề 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69 mỗi số đề 10.000 đồng. So sánh với kết quả xổ số miền bắc cùng ngày thì N1 không trúng thưởng. Xác minh tại chính quyền địa phương, N1 hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu. Với thông tin từ những file ảnh khác và lời khai của Phạm Ngọc C không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật khác hoặc không đủ thông tin của người liên quan để xác minh. Đối với phần nội dung này, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh.

Bản cáo trạng số 63/CT-VKS-P3 ngày 24-8-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Phạm Ngọc C và Đỗ Thị Chung A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của BLHS, truy tố Nguyễn Trọng K về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại Khoản 1 Điều 304 BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở lại với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C từ 09 đến 12 tháng tù giam, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Chung A từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách gấp đôi, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách gấp đôi, về tội “ Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo C và bị cáo Chung A phải có trách nhiệm trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền gốc dùng để cho vay là 762.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, đề nghị truy thu của các bị cáo C và Chung A để sung ngân sách Nhà nước. Về tiền án phí các bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 4/2018, Phạm Ngọc C và vợ là Đỗ Thị Chung A lợi dụng việc kinh doanh cầm đồ tại cửa hiệu cầm đồ A C có địa chỉ tại xóm 14, xã H, huyện G, tỉnh N, đã cho 16 trường hợp vay tiền với tổng số tiền là 762 T đồng lấy lãi với lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 108%/năm; 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 144%/năm hoặc 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 180%/năm vượt quá 05 lần mức lãi suất do bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định (20%/năm); tổng số tiền thu lời bất chính là 132.475.566 đồng. Hành vi của bị cáo C và bị cáo A đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự (BLHS). Cho nên, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân

dân tỉnh Nam Định là có căn cứ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội, bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo.

Khoảng cuối năm 2021, Nguyễn Trọng K có hành vi tàng trữ trái phép 02 khẩu súng tự chế, là vũ khí quân dụng tại nhà có địa chỉ ở xóm T, xã G, huyện G, tỉnh N cho đến ngày 30/3/2022 khi Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) - Công an tỉnh Nam Định phát hiện, T tập K lên trụ sở làm việc thì K mới chấp hành giao nộp 02 khẩu súng cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định. Hành vi của bị cáo K đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 304 BLHS. Cho nên, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định về quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự thuộc quyền quản lý của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội, bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[3] Về vai trò của các bị cáo:

Đối với hành vi phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, bị cáo Phạm Ngọc C là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động cho vay lãi nặng, vì vậy bị cáo C được xác định là người giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo Chung A là vợ của bị cáo C là người giúp sức cho bị cáo C trong việc hoạt động cho vay lãi nặng, vì vậy bị cáo Chung A được xác định là đồng phạm giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Xét thấy trong vụ án này bị cáo Nguyễn Trọng K thực hiện hành vi phạm tội một cách độc lập, không có đồng phạm; vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, bị cáo Chung A và bị cáo K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo Chung A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo C có thời gian tham gia quân đội; bị cáo K phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Vì vậy bị cáo C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo Chung A là điểm i, s khoản 1 Điều 51, bị cáo K là điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: HĐXX xét thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 201 BLHS để xử phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc C và bị cáo Đỗ Thị Chung A. Xét thấy bản thân bị cáo C là người giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, có nhân thân xấu, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm; vì vậy phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục và làm gương cho các kẻ khác.

Đối với bị cáo Chung A, xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo chỉ là đồng phạm giữ vai trò thứ hai trong vụ án, có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng; mặt khác bản thân bị cáo Chung A là phụ nữ đang phải trực tiếp nuôi 03 con nhỏ và đang mang thai con thứ 4, bản thân bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể cải tạo, giáo dục được đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 304 BLHS, để xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng K. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể cải tạo, giáo dục được đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật thì bị cáo C và bị cáo Chung A sẽ bị tịch thu, truy thu toàn bộ số tiền dùng để cho vay là 762.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 22.438.880 đồng; ngoài ra các bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ dân sự trả lại số tiền đã chiếm hưởng bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 132.475.566 đồng. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, xin được miễn hình phạt bổ sung. Vì vậy cần xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Ngọc C và Đỗ Thị Chung A.

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng K. Xét thấy bị cáo phạm tội không vì vụ lợi; vì vậy miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy các bị cáo Phạm Ngọc C và Đỗ Thị Chung A đã chiếm hưởng bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 132.475.566 đồng. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cần buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền nói trên.

[8] Đối với khoản tiền các bị cáo Phạm Ngọc C và Đỗ Thị Chung A dùng để cho vay là 762.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 22.438.880 đồng. Tổng cộng là 784.438.880 đồng được xác định là phương tiện phạm tội. Vì vậy cần tuyên truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với toàn bộ số tiền của các bị cáo như đã nói trên. Được trừ vào số tiền 94.000.000 đồng mà những người liên quan vay của C đã tự nguyện giao nộp lại

cho cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định hiện đang giữ tại Cục thi hành án Nam Định, các bị cáo còn phải nộp 690.438.880đ (Sáu trăm chín mươi triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

[9] Về vật chứng:

- Tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại iphone màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng của Phạm Ngọc C. Vì bị cáo đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vật hình trụ tròn đường kính khoảng 05 (cm) bề ngoài có các rãnh, một đầu có gắn thanh kim loại hình mỏ vịt.

- Tịch thu và giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định, xử lý theo quy định của pháp luật 02 (hai) khẩu súng tự chế dài 35,5cm, cao 12,5 cm, nòng súng dài 7,5 cm, tay cầm bằng gỗ màu vàng. Những vật chứng nêu trên do cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định tạm thời quản lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo Phạm Ngọc C, Đỗ Thị Chung A, Nguyễn Trọng K phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra các Phạm Ngọc C, Đỗ Thị Chung A còn phải nộp tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc C và Đỗ Thị Chung A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Bị cáo Nguyễn Trọng K phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

1.1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C 07 (Bảy) tháng tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án (được trừ thời gian bị cáo đã bị giam giữ từ ngày 31/3/2022 đến ngày 04/5/2022);

1.2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Chung A 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo, cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 304; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 36 (ba sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo cho UBND xã Giao An, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo, cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung:

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Phạm Ngọc C, Đỗ Thị Chung A và Nguyễn Trọng K.

3. Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà các bị cáo Phạm Ngọc C, Đỗ Thị Chung A sử dụng để cho vay. Tổng cộng là 784.438.880 đồng, được đối trừ vào số tiền 94.000.000 đồng mà những người liên quan vay của C đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định; theo Ủy nhiệm chi số 07 ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định. Các bị cáo còn phải nộp 690.438.880đ (Sáu trăm chín mươi triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015. Buộc các bị cáo Phạm Ngọc C và Đỗ Thị Chung A phải có trách nhiệm trả lại cho:

- NLQ1 số tiền 14.952.781 đồng (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi một đồng);
- NLQ2 số tiền 24.200.000 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng);
- NLQ3 số tiền 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng);
- NLQ4 số tiền 577.779 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng);
- NLQ5 số tiền 444.445 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi năm đồng);
- NLQ6 số tiền 56.533.334 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng);
- NLQ7 số tiền 2.908.890 đồng (Hai triệu chín trăm linh tám nghìn tám trăm chín mươi đồng);
- NLQ8 số tiền 10.850.000 đồng (Mười triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng);
- NLQ9 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

- NLQ10 số tiền 620.000 đồng (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng);
- NLQ11 số tiền 8.000.001 đồng (Tám triệu một trăm đồng);
- NLQ12 số tiền 220.000 đồng (Hai trăm hai mươi nghìn đồng);
- NLQ13 số tiền 733.334 đồng (Bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng);
- NLQ14 số tiền 337.779 đồng (Ba trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng);
- NLQ15 số tiền 230.556 đồng (Hai trăm ba mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng);
- NLQ16 số tiền 266.667 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 BLHS năm 2015; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại iphone màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng của Phạm Ngọc C.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vật hình trụ tròn đường kính khoảng 05 (cm) bề ngoài có các rãnh, một đầu có gắn thanh kim loại hình mỏ vịt.

- Tịch thu và giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định, xử lý theo quy định của pháp luật 02 (hai) khẩu súng tự chế dài 35,5cm, cao 12,5 cm, nòng súng dài 7,5 cm, tay cầm bằng gỗ màu vàng. Những vật chứng nêu trên do cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định tạm thời quản lý.

6. Án phí: Căn cứ Điều 135 BLTTHS năm 2015 và Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc C, Đỗ Thị Chung A và Nguyễn Trọng K; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Phạm Ngọc C, Đỗ Thị Chung A phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 6.623.778đ (Sáu triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- C an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam C an tỉnh ND;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vũ Hà Nam
(Đã ký)**